TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 759/2023/HC-PT Ngày 29 tháng 8 năm 2023 V/v: Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đỗ Đình Thanh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 294/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 4 năm 2023 về "*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 84/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1953/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B; địa chỉ trụ sở: Ấp 2, xã Thạnh P, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; cư trú tại: 409 Hưng P, phường 9, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy ủy quyền ngày 12/7/2022; có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; địa chỉ trụ sở: 02 đường Nguyễn Văn T, phường Thanh B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Mai Công Kh - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Biến đổi khí hậu thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai là người bị kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B (sau đây gọi tắt là HTX B) là đơn vị được Ủy ban nhân dân (nay viết tắt là UBND) tỉnh Đồng Nai cấp phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 thuộc xã Thiện T và xã T, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2013, với diện tích cấp phép khai thác 25ha và cao trình khai thác là -60m có trữ lượng khai thác là 10.804.819m^3. Ngày 01/3/2018, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Giấy phép khai thác khoáng sản số 691/GP-UBND để thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND ngày 22/10/2013, với diện tích cấp phép khai thác 25ha và cao trình khai thác là -80m có trữ lượng khai thác là 14.343.819m^3.

Từ khi được cấp phép khai thác khoáng sản đến năm 2021, HTX B đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai với số tiền đã nộp là 37.129.081.604 đồng. Đến năm 2022, Hợp tác xã B nhận được văn bản số 1812/STNMT-TNN,KS&BDKH ngày 25/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 và năm 2022 đối với mỏ đá Thạnh P 3, theo đó xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2014 đến năm 2023 là 58.947.302.992 đồng, số tiền phải nộp từ năm 2014 đến năm 2021 là 49.349.661.784 đồng (trong đó phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 12.220.580.180 đồng) và số tiền nộp năm 2022 là 5.332.022.893 đồng. Gửi kèm theo văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường là Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 06/4/2022, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đã ban hành Thông báo nộp tiền số 38/TB-CTDON.QLHKDCN&TK yêu cầu HTX B phải nộp số tiền nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 12.220.580.180 đồng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành thông báo.

Cho rằng việc ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm 2014 trở đi tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 thể hiện tại Điều 1 của Quyết định này là không phù hợp với quy định pháp luật hiện

hành, nên HTX B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai nêu trên.

- Về phía UBND tỉnh Đồng Nai và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho rằng: Những quyết định cấp phép khai khoáng vào năm 3013 và cấp phép khai khoáng vào năm 2018 cho phép khai thác tại mỏ đá Thạnh P 3 cho Hợp tác xã B được thực hiện đúng quy định pháp luật, trên cơ sở đó UBND tỉnh Đồng Nai lần lượt ban hành các quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai khoáng đối với Hợp tác xã B, việc ban hành các quyết định phê duyệt cấp quyền khai khoáng của UBND tỉnh Đồng Nai và các năm 2014 (tạm tính), 2015 và 2018 hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành. Trong quá trình thực hiện, thấy có vướng mắc nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã tham mưu cho UBND tỉnh Đồng Nai kiến nghị đến Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thông tư hướng dẫn công thức tính tiền cấp quyền khai khoáng. Khi thực hiện tính tiền cấp quyền khai khoáng cho Hợp tác xã B, UBND tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đúng các công thức tính toán được quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản, Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên sau đó, kết luận của Kiểm toán nhà nước cho rằng UBND tỉnh Đồng Nai tính tiền khai khoáng sai cho doanh nghiệp nên Ủy ban đã xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 26/03/2021 Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành công văn hướng dẫn số 1391/BTNMT-ĐCKS hướng dẫn cách tính tiền cấp quyền khai khoáng phải áp dụng hệ số nở rời nhân cho giá tính thuế tài nguyên. Trên cơ sở hướng dẫn này, UBND tỉnh Đồng Nai đã tính toán lại toàn bộ tiền cấp quyền khai khoáng của Hợp tác xã B trên cơ sở các Nghị định cũ và vận dụng thêm các quy định của Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ và Tiêu chuẩn Quốc gia số 4447:2012. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B, hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/11/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản

xuất thương mại và dịch vụ B; giữ nguyên Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của UBND tỉnh Đồng Nai vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Đồng Nai trình bày:

Cơ sở pháp lý để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017 lấy bằng với giá tính thuế tài nguyên khi thứ nguyên đơn đơn vị tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là m^3 ở trạng thái tự nhiên khác với thứ nguyên đơn đơn vị để tính thuế tài nguyên là m^3 ở trạng thái nở rời sau nổ mìn được Bộ Tài nguyên và Môi trường khẳng định tại Văn bản số 1391/BTNMT-ĐCKS ngày 26/3/2021. Cơ sở pháp lý tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu (năm 2014) tính cho sáu tháng đầu năm và sáu tháng cuối năm theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ; Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 và Quyết định số 24/2014/NĐ-CP ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng khoản 1 Điều 10 của Nghị định 67/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ để ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 nhằm điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND tỉnh Đồng Nai sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là Hợp tác xã B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung kháng cáo của UBND tỉnh Đồng Nai: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HTX B với lý do: UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 là trên cơ sở yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước và các văn bản pháp luật gồm: Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 có hiệu lực từ ngày 15/01/2017 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện

kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của UBND tỉnh Đồng Nai trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người đại diện hợp pháp của UBND tỉnh Đồng Nai được Tòa án triệu tập đến phiên tòa xét xử vào ngày 24 và ngày 29/8/2023 nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[3] Thẩm quyền ban hành và hình thức của Quyết định hành chính số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai được thực hiện đúng quy định pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Về nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự:

[5.1] HTX B được UBND tỉnh Đồng Nai cấp phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 thuộc xã Thiện T và xã Thạnh P - huyện Vĩnh C - tỉnh Đồng Nai theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2013, với diện tích cấp phép khai thác 25ha và cao trình khai thác là -60m có trữ lượng khai thác là 10.804.819m^3.

Tại Điều 7 của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản như sau: "*Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xây dựng, công bố và tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn hiệu lực";* và Điều 11 Nghị định này quy định công thức tính: *"Số tiền mỗi lần nộp được tính như sau:*

- Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực: Lần đầu thu khi có thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các lần sau thu hàng năm liên tục (trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo) và hoàn thành việc thu trước khi giấy phép hết hạn 5 năm. Cụ thể theo công thức như sau: $\boldsymbol{T_{hn} = T: (X - 4)}$.

T_{hn} *- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm; đồng Việt Nam; T - Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp; đồng Việt Nam; X - Số năm khai thác còn lại.*

- Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp sau ngày Nghị định này có hiệu lực: Lần đầu thu trước khi cấp Giấy phép khai thác; các lần sau thu hàng năm liên tục (trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo) và hoàn thành việc thu vào nửa đầu thời hạn cấp phép. Cụ thể theo công thức như sau: $\boldsymbol{T_{hn} = 2T: X}$

T_{hn} - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm; đồng Việt Nam; T - Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp; đồng Việt Nam; X - Tổng số năm được khai thác; năm;

Số tiền nộp từ lần thứ hai phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Cụ thể như sau: $\boldsymbol{T_n = T_{hn} \times G_n : G}$

T_n - Tiền nộp lần thứ n; đồng Việt Nam; T_{hn} - Tiền nộp hàng năm; đồng Việt Nam; G_n - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm nộp tiền lần thứ n; đồng/đơn vị trữ lượng; G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu; đồng/đơn vị trữ lượng;"

[5.2] Tại thời điểm này, việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Hợp tác xã B được áp dụng theo giá tính thuế tài nguyên quy định tại Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 (Giá tính thuế tài nguyên đá xây dựng nguyên khai là 125.000 đồng/m^3). Trên cơ sở các quy định pháp luật nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá Thạnh P 3 của Hợp tác xã B. Hợp tác xã B đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đầy đủ theo quy định trên từ năm 2013 đến năm 2017.

[5.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đồng Nai xác định thời điểm vào năm 2016 khi ban hành Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc tính tiền khai thác khoáng sản cho Hợp tác xã là đúng hướng dẫn của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ.

[5.4] Do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Cục Địa chất và Khoán sản Việt Nam ban hành nhiều văn bản hướng dẫn khác nhau cho các địa phương liên quan tới công thức tính tiền khai thác khoáng sản, nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành văn bản báo cáo đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường giải thích và ban hành Thông tư hướng dẫn để có căn cứ áp dụng hệ số nở rời vào công thức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Ngày 14/02/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 550/BTNMT-ĐCKS trả lời nội dung Bộ này đang chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng Thông tư hướng dẫn, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng các quy định hiện hành để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong khi chờ đợi. Vì vậy, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn số 10002/UBND-CNN ngày 25/10/2016 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục thực hiện công thức tính tiền cấp quyền khoáng sản theo đúng quy định tại Điều 7 và Điều 11 của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ. Như vậy, UBND tỉnh Đồng Nai đã thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động là phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 550/BTNMT-ĐCKS ngày 14/02/2017.

[5.5] Tuy nhiên, sau đó Bộ Tài nguyên và Môi trường không ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ. Cho đến ngày 29/11/2016, Chính phủ mới ban hành Nghị định số 158/2016/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản,

và ngày 16/10/2017 Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Như vậy, kể từ thời điểm này mới có văn bản quy phạm pháp luật quy định công thức áp dụng cho việc quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên sang giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nên, tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đồng Nai cho rằng hệ số nở rời đã được quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ - CP ngày 28/11/2013 là không phù hợp với thực tế.

[5.6] Ngày 01/3/2018, Hợp tác xã B được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép số 691/GP-UBND cho phép khai thác mỏ đá Thạnh P 3 thuộc xã Thiện Tân và xã Thạnh P, huyện Vĩnh Cửu có nội dụng thay đổi về "*Bổ sung trữ lượng từ cote -60m đến cote -80m là 3.539.000m^3, thời gian khai thác đến ngày 18/01/2037*", những nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2013.

Ngày 08/3/2018, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND về việc tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung cho HTX B xác định số tiền HTX B phải nộp từ năm 2014 đến năm 2023 và tiền cấp quyền khai thác từ năm 2018 trở đi được áp dụng công thức quy định tại Điều 3 của Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Trên cơ sở đó, HTX B đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 901/QĐ-UBND nêu trên tính từ năm 2018 đến năm 2021 theo quy định. Qua đó có thể thấy UBND tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đúng Thông tư nêu trên và về phía HTX B cũng đã chấp hành đúng pháp luật và chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình làm việc giữa HTX B và UBND tỉnh Đồng Nai thời điểm này đều không đề cập tới việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung đối với HTX B giai đoạn 2013 đến 2017.

[5.7] Tuy nhiên, ngày 18/3/2022 UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 có nội dung xác định lại số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2014 đến năm 2023 là 58.947.302.992 đồng, trong đó thay đổi toàn bộ số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 bằng công thức có nhân với hệ số nở rời quy định tại Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 và tính lại tiền phải nộp trong năm 2022, 2023 theo công thức quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ. Như vậy, với cách tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai là mâu thuẫn với tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai thông qua các văn bản trao đổi về nội dung này giữa UBND tỉnh này với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[5.8] Lý giải về việc ban hành quyết định điều chỉnh nêu trên, UBND tỉnh Đồng Nai căn cứ vào: (1) Công văn hướng dẫn số 1391/BTNMT-ĐCKS ngày 26/03/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định giá tính

tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017, trong đó có dẫn chiếu Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS của Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, xác định giá tính tiền khai thác khoáng sản tại thời điểm nộp tiền được xác định là giá tính thuế tài nguyên do UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng nhân cho hệ số nở rời; (2) Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ lần tiếp theo (năm 2021) trở đi phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; (3) Áp dụng công thức tính nhân "hệ số nở rời" theo quy định Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4447:2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

[5.9] Hội đồng xét xử xét thấy:

- Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Công văn của Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam không phải là văn bản quy phạm pháp luật, thuộc loại văn bản hướng dẫn mang giá trị tham khảo; việc tính toán tiền cấp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 phải vận dụng đúng các quy định của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: *Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên.*

Ngày 29/11/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 158/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Khoáng sản. Ngày 16/10/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì mới xuất hiện công thức tính mới là: Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản = Giá tính thuế tài nguyên x Hệ số nở rời; và tại Điều 8 của Thông tư này quy định về hiệu lực thi hành như sau: "*Các Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp kể từ ngày Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Thông tư này*".

Như vậy, HTX B được cấp giấy phép khai thác số 3367/GP-UBND ngày 22/10/2013 và đã nộp đủ tiền khai thác khoáng sản theo Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai từ khi được cấp phép năm 2013 đến năm 2017 theo đúng quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ và Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, UBND tỉnh Đồng Nai vận dụng công thức tính tiền khai thác khoáng sản theo Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để ban hành Quyết định 693/QĐ-UB ngày 18/3/2022 về việc tính lại tiền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 đối với HTX B trong khi HTX B đã hoàn tất quyết toán thuế, chi phí doanh nghiệp trong những năm này là không phù hợp.

- UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4447:12 để lấy hệ số nở rời và thêm vào công thức tính quy định tại Điều 11 của Nghị định

số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ. Tuy nhiên, qua xem xét, đối chiếu quy định tại Nghị định này và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đều không có điều luật nào dẫn chiếu đến Tiêu chuẩn Quốc gia trên. Trong khi đó tại Điều 1 của Tiêu chuẩn quy định về phạm vi áp dụng tiêu chuẩn là: *"khi thi công và nghiệm thu công tác đất…khi lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công cũng như khi thiết kế công trình đất phải tuân thủ những quy định của quy chuẩn này"* mà không quy định phải áp dụng tiêu chuẩn cho việc *"tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản"*. Vì vậy, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Tiêu chuẩn trên là không đúng đối tượng.

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2019 để tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2013 đến nay cho Hợp tác xã B. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định trên quy định: *"Đối với Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khoáng sản đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật sẽ tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã được ban hành. Trường hợp có sự điều chỉnh Giấy phép khai thác thì Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được áp dụng theo quy định của Nghị định này"* và khoản 2 Điều 15 quy định: *"Trường hợp các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định Nghị định này làm cho tổ chức, cá nhân phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cao hơn khi áp dụng Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định 203/2013/NĐ-CP"*. HTX B được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND vào ngày 22/10/2013. Ngày 01/3/2018, UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép số 691/GP-UBND cho phép HTX B "*bổ sung trữ lượng từ cote -60 đến cote -80 là 3.539.000m^3, thời gian khai thác đến ngày 18/01/2037"*. Sau đó, UBND tỉnh Đồng Nai lần lượt ban hành các Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số 2550/QĐ-UBND ngày 26/8/2015, Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 08/3/2018.

Như vậy, theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Nghị định nêu trên thì UBND tỉnh Đồng Nai không được tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho HTX B.

[6] Với các phân tích trên cho thấy: Việc UBND tỉnh Đồng Nai căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ để ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 tính lại tiền khai thác khoáng sản cho HTX B là không đúng pháp luật, gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của HTX B. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HTX B, hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của UBND tỉnh Đồng Nai, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích của người bị kiện tại phiên tòa không phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND tỉnh Đồng Nai phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 241, Điều 348, Điều 349 Luật tố tụng hành chính.

- Áp dụng: Điều 77 Luật Khoáng sản; các Điều 5, Điều 7, Điều 11 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Điều 69 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 và Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành bảng giá tối thiểu để tính thuế đối với các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B; hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Hoàn trả cho Hợp tác xã thương mại và dịch vụ Bình Thạch số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000375 ngày 14/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0000607 ngày 28/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã nộp đủ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VP (5) NTTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa